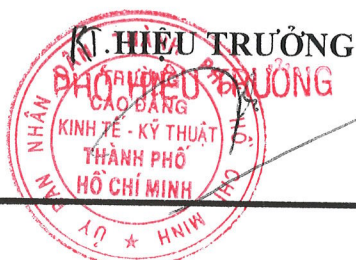


KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: cao đẳng
Tên ngành: Tài chính Ngân hàng

Mã ngành: 6340202

HỌC KỲ 1 (17 Tín chỉ)	HỌC KỲ 2 (16 Tín chỉ)	HỌC KỲ 3 (16 Tín chỉ)	HỌC KỲ 4 (16 Tín chỉ)	HỌC KỲ 5 (14 Tín chỉ)
Tiếng Anh 1 MH3107209, 2(0,2) GD thể chất MH3109105, 2(0,2) GD chính trị MH3108021, 5(5,0) Pháp luật MH3108103, 2(1,1) Tin học MH3101201, 3(1,2) Nguyên lý kế toán MH3104118, 3(2,1)	Tiếng Anh 2 MH3107210, 2(0,2) GDQP và AN MH3109022, 3(2,1) Kinh tế vi mô MH3104138, 2(1,1) Kinh tế vĩ mô MH3042205, 2(1,1) Tài chính DN căn bản MH3042400, 3(2,1) Tài chính tiền tệ MH3042206., 3(3,0) Kiến tập doanh nghiệp MĐ3042208, 1(0,1)	Nguyên lý thống kê MH3104119, 2(1,1) Kế toán ngân hàng MH3104305, 3(2,1) Nghiệp vụ thẩm định TD MH3104331, 3(1,2) Nghiệp vụ NHTM MH3042214, 3(1,2) Tài chính DN nâng cao MH3042401, 3(1,2) Luật Kinh tế MH3104121, 2(1,1)	Marketing ngân hàng MH3042207, 2(1,1) NV giao dịch NH MĐ3104332, 3(2,1) Phân tích BCTC MH3104311, 3(2,1) Thị trường chứng khoán MH3104303, 3(2,1) Thanh toán quốc tế MH3104334, 3(2,1) NV văn phòng MH3104140, 2(1,1)	Tự chọn 5TC Mô hình tài chính MĐ3042209, 3(2,1) Bảo hiểm và tiền lương MH3042402, 2(1,1) Khóa luận MĐ3104917, 5(3,2) Tự chọn 4TC Kinh doanh ngoại hối MH3104314, 2(1,1) Quản lý DM đầu tư MH3042404,2(1,1) Tiếng Anh chuyên ngành MH3104317, 2(1,1) Thực tập tốt nghiệp MĐ3104905, 5(0,5)



Phạm Ngọc Diễm

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Đàm Văn Khi

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hoàng Anh